TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Lập;

2. Bà Lê Thị Xuân Đào.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1255/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Phan Thanh Nh, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt, ông Nh vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Bà H và ông Nh cưới nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 06/12/2005. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và ông Nh thường hay cờ bạc gây nợ nần, bà khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng thường gây gỗ, cãi nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Nguyễn Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Phan Thanh Nh.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thảo V, sinh ngày 26/8/2008 và Phan Quốc Đ, sinh ngày 01/7/2014, hiện 02 con chung đang sống với bà H. Khi ly

hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H và ông Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Thanh Nh trình bày trong biên bản hòa giải ngày 29/12/2022 như sau: Ông Nh thống nhất điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân như bà H trình bày. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông Nh không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ, con nên yêu cầu được đoàn tụ để cùng bà H chăm lo cho con chung.

Về con chung: Thống nhất có 02 con chung tên Phan Thảo V, sinh ngày 26/8/2008 và Phan Quốc Đ, sinh ngày 01/7/2014, hiện 02 con chung đang sống với bà H. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông Nh yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Ông Nh và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến trình bày.

Bị đơn ông Phan Thanh Nh không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, ông Phan Thanh Nh có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Thanh Nh, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông Nh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 06/12/2005 nên hôn nhân giữa bà H với ông Nh là hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông Nh: Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm ông Nh thường hay cờ bạc gây nợ nần, bà H khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng thường gây gỗ, cãi nhau, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa, bà H cương quyết ly hôn còn ông Nh tuy mong muốn được đoàn tụ nhưng vắng mặt nên không đưa ra được biện pháp để hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc H và ông Phan Thanh Nh đã mâu thuẫn trầm trọng, nên bà H yêu cầu xin ly hôn với ông

Nh là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà H với ông Nh có 02 con chung tên Phan Thảo V, sinh ngày 26/8/2008 và Phan Quốc Đ, sinh ngày 01/7/2014, hiện 02 con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng.

Xét tại bản tự khai của con chung Phan Thảo V và Phan Quốc Đ đều có nguyện vọng được sống với bà H. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, giao cho bà H được quyền nuôi 02 con chung là Phan Thảo V và Phan Quốc Đ là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông Phan Thanh Nh cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung: Bà H, ông Nh trình bày thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Bà H, ông Nh trình bày thống nhất không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc H đối với ông Phan Thanh Nh.

Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn với ông Phan Thanh Nh.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc H được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phan Thảo V, sinh ngày 26/8/2008 và Phan Quốc Đ, sinh ngày 01/7/2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà H không có yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc H và ông Phan Thanh Nh thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc H và ông Phan Thanh Nh trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí bà Hân đã nộp theo biên lai số 0007600 ngày 22/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành. Bà Nguyễn Ngọc H đã nộp xong.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã A (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Khắc Linh Duy